

Bản án số: **30/2021/DS-ST.**

Ngày: 27/10/2021.

**“Kiện đòi nợ tiền phát sinh
từ hợp đồng mua bán hàng hóa”**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.
2. Bà Võ Thị Cảnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND)
huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 27/10/2021, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2021/TLST-DS ngày 02/8/2021 về việc: **“Kiện đòi nợ tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐST-DS ngày 04/10/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: TDP 3, thị trấn Kbang, huyện K, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đăk Hlơ, huyện K, tỉnh G.

Bà T và bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2021, được bổ sung tại Bản tự khai ngày 02/8/2021, các Biên bản hòa giải ngày 23/8/2021 và ngày 22/9/2021, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Do quen biết với nhau nên vào trước ngày 29/02/2013, bà có bán ớt nợ nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Minh H với tổng số tiền là 13.857.000 đồng. Đến ngày 29/02/2013, bà và bà H tính toán với nhau và chốt sổ số nợ trên, bà H đã ghi vào sổ theo dõi nợ của bà là “*nợ lại 13,857*”, nghĩa là bà H nợ lại bà số tiền là 13.857.000 đồng.

Sau đó, trong hai ngày 03/5/2013 và 04/5/2013, bà tiếp tục bán ớt nợ cho bà H với tổng giá trị là 28.016.000 đồng, hai bên tính toán sổ và chốt sổ nợ trên trong sổ nợ của bà, bà H đã ghi rõ là “*28.016 H nợ*”, nghĩa là bà H nợ bà 28.016.000 đồng.

Như vậy, qua các lần mua ớt thì bà H đã nợ bà tổng cộng là 41.873.000 đồng. Bà H nhận nợ từ năm 2013 cho đến nay, bà đã trực tiếp gặp hoặc điện thoại đòi

nhưng bà H cứ xin bớt số nợ này và hứa hết lần này đến lần khác mà không trả nợ cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H phải trả ngay cho bà số tiền nợ nói trên. Nếu bà H có thiện chí trả nợ ngay thì bà sẽ bớt cho bà H số nợ trên xuống còn 30.000.000 đồng. Nhưng do bà H không đồng ý trả nợ ngay mà còn đề nghị bớt số tiền nợ trên xuống còn 14.000.000 đồng và cho bà trả làm 02 lần/02 năm, mỗi năm 7.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Tại Bản tự khai ngày 06/8/2021, được bổ sung tại các Biên bản hòa giải ngày 23/8/2021 và ngày 22/9/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Đúng là vào trước ngày 29/02/2013, sau nhiều lần mua ớt nợ của bà T với tổng số tiền nợ là 13.857.000 đồng thì vào ngày 29/02/2013, bà đã nhận nợ và ghi vào sổ theo dõi nợ của bà T nội dung: “*nợ lại 13,857*”, nghĩa là bà nợ lại bà T 13.857.000 đồng.

Sau đó, trong hai ngày 03/5/2013 và 04/5/2013, bà mua nợ của bà T số ớt với tổng giá trị là 28.016.000 đồng, hai bên tính toán sổ và chốt số nợ trên trong sổ nợ của bà T và bà đã ghi là “*28.016 H nợ*”, nghĩa là bà nợ bà T 28.016.000 đồng.

Như vậy, qua các lần mua ớt thì bà có nợ bà T với tổng số tiền là 41.873.000 đồng. Do việc làm ăn thua lỗ, mua ớt giá cao nhưng bán giá thấp, bán hàng của bà cũng bẻ nợ và nợ lại bà đến 260.000.000 đồng nên bà đã nhiều lần đề nghị bà T giảm số nợ trên và cho bà trả nợ làm nhiều lần nhưng bà T không đồng ý.

Nay bà T yêu cầu bà phải trả ngay số tiền nợ do mua bán ớt là 41.873.000 đồng thì bà không đồng ý, bà đề nghị bà T bớt số tiền nợ trên xuống còn 14.000.000 đồng và cho bà trả làm 02 lần/02 năm, mỗi năm là 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H đề nghị bà T bớt số nợ trên xuống còn 30.000.000 đồng và cho bà được trả nợ vào tháng 01/2022 (âm lịch) nhưng bà T không đồng ý.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

- + 01 Giấy theo dõi mua bán có nội dung nợ 2013 ... nợ lại 13.857 (bản chính);
- + 01 Giấy theo dõi mua bán có nội dung TC 3/5+4/5, 38016-10.000=28016 H nợ (bản chính);
- + 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn Cảnh (bản photo);
- + 01 Căn cước công dân mang tên Võ Thị T (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Bà Võ Thị T và bà Nguyễn Thị Minh H mua bán ớt với nhau là hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa, thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Việc bà T cho rằng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ sau khi mua nợ ớt của bà, buộc bà phải khởi kiện ra Tòa là có đủ điều kiện khởi kiện và theo quy định tại khoản 3 Điều 26,

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T cùng các tài liệu, chứng cứ do bà cung cấp, HĐXX thấy rằng:

Vào ngày 29/02/2013, bà T và bà H đã đối chiếu công nợ do mua bán ớt, hai bên đã thống nhất số nợ của bà H đối với bà T và bà H đã ghi vào sổ theo dõi nợ của bà T là “*nợ lại 13.857*”, nghĩa là bà H nợ lại bà T số tiền là 13.857.000 đồng. Sau đó, hai bên tiếp tục mua bán ớt với nhau và tiếp tục đối chiếu số tiền bà H đã trả và số nợ còn lại của bà H đối với bà T, hai bên thống nhất số nợ còn lại do mua bán ớt trong các ngày 03/5/2013 và 04/5/2013 của bà H đối với bà T là 28.016.000 đồng nên bà H đã ghi vào sổ theo dõi nợ của bà T là “*28016 H nợ*”. Như vậy, qua các lần bà T bán ớt cho bà H thì bà H đã nợ lại bà T với tổng số tiền là 41.873.000 đồng, điều này đã được hai bên khai nhận phù hợp và thống nhất với nhau khi làm việc tại Tòa án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được bà T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã thể hiện thiện chí của mình là nếu bà H trả nợ ngay thì bà sẽ bớt số tiền nợ trên xuống còn 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H không đồng ý trả nợ ngay mà còn đề nghị bớt số tiền nợ trên xuống còn 14.000.000 đồng và cho bà trả làm 02 lần/02 năm, mỗi năm là 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H đề nghị bà T bớt số nợ trên xuống còn 30.000.000 đồng và cho bà trả nợ vào tháng 01/2022 (âm lịch). Xét số tiền nợ phát sinh từ việc mua bán ớt của bà H đối với bà T đã diễn ra từ năm 2013 và hoàn toàn là tiền nợ gốc do mua bán hàng hóa, không có tiền lãi. Việc bà H đề nghị bà T bớt số tiền nợ và cho bà lùi thời hạn trả nợ không được bà T đồng ý và không đúng với nội dung thỏa thuận mua bán giữa hai bên nên không được HĐXX chấp nhận.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán ớt của bà T là có căn cứ và đúng pháp luật vì số nợ này đã được bà H thừa nhận và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận toàn bộ, cần buộc bà H phải trả cho bà T tổng số tiền nợ do mua bán ớt là 41.873.000 đồng.

[3]. Về án phí DSST: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận toàn bộ nên bà không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 41.873.000 đồng x 5% = 2.093.650 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 428, 429, 431 và 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H phải trả cho bà T tổng số tiền nợ do mua bán ớt là 41.873.000 đồng (*bốn mươi một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bà H thi hành xong khoản tiền trên, nếu bà H không chịu thi hành thì hàng tháng bà còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS.

Về án phí DSST: Buộc bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí là 2.093.650 đồng.

Hoàn trả cho bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.046.825 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003832 ngày 02/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/10/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai.
- VKSND huyện Kbang.
- Chi cục THADS huyện Kbang.
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

